



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171: Y N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THI QUY
Last Middle First

Current Address 710 TO Hien thanh F14. Q10 HCM

Date of Birth 1933 Place of Birth HUE

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

TRAN DINH THUONG

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 6/14/75 To DEATH DATE: 9/27/77

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Chánh phố Hồ Chí Minh 1.4.1989

①

Bà quả phụ : Đàn Đình Thuồng

710 28 tiến Chánh P.14 Q.10

Chánh phố Hồ Chí Minh.

Sinh gởi B: Đức Minh Cho

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE :

USA

Sinh gởi B: Cờ binh bay Hoàn Cảnh gia đình tôi như sau :

Chưa bà, Cờ tên là Nguyễn Thị Quý, Sinh năm 1933 tại Huế - Việt Nam.

Nguyên chồng tôi là Chiếu tá Quân lực Việt Nam Cộng Hòa : Đàn Đình Thuồng

Số Quân là : 50/201.782. Đã phục vụ trong quân đội VNCH từ ngày

1/12/1951 đến 30/4/1975 với chức vụ sau cùng là : Chiếu tá, nhân viên
thẩm kế quân dụng / Tổng cục tiếp vận. Trong thời gian tại ngũ, chồng

tôi có đi học vài khóa học tại Mỹ, tôi chỉ nhớ 1 lần từ 10.1963

đến tháng 12/1963 theo học lớp Quản trị đạn dược ở Fort Alabama tại

Fort Alabama Hoa Kỳ.

Cho đến ngày 30/4/1975, cả gia đình tôi đều ở tại Việt Nam và ngày

14/6/1975, cùng với các sĩ quan khác, chồng tôi đã bị tập trung cải tạo

ở miền Bắc, Việt Nam. Sau hơn 2 năm học tập, do không quen khí

hậu và do chế độ trong trại cải tạo nên chồng tôi đã bị bệnh và chết

ngày 27/5/1977 tại Sơn La Việt Nam (định kèm bản sao giấy báo tử)

chồng tôi đi học tập để lại cho tôi 11 đứa con con nhỏ dại, tôi

đã tận tảo kiến sống để nuôi con trong niềm hy vọng chồng tôi sẽ

được trở về nhưng bao nhiêu hy vọng đã tiêu tan khi tôi nhận được

tờ giấy báo tử. Cờ và các con vô cùng đau đớn nhưng không biết

làm gì nữa vì mẹ góa con côi không biết nên về vào ai ?

Trong những năm qua tôi đã nộp đơn đến HCR và Chương trình ODP

nhưng không được trả lời. Nay được biết bà và Hội đang vận động

giúp đỡ các gia đình tù nhân chính trị, tôi xin viết như này

kính nhờ bà và Hội giúp đỡ cho chúng tôi hồi khởi Việt Nam và

Xin chính phủ Hoa Kỳ cho được định cư tại Mỹ, có như thế gia đình chúng tôi bớt khó khăn và các con tôi có tương lai hơn. Sau khi nhận được thư này, nhờ sự giúp đỡ của Bà và Hài, chúng tôi hy vọng sớm được trả lời và nếu được chấp thuận, xin bà chỉ dẫn cho tôi và gia đình biết phải làm những gì tiếp theo sau. Trong khi chờ đợi, xin bà và Quý Thôn nhận lời đầy lòng biết ơn của gia đình tôi và rất mong sự hồi âm của bà.

Đính đơn

Quỳ

Nguyễn Thị Quỳ.

Xin đính kèm: - Bản sao giấy báo tử.
- Danh sách gia đình hiện tại:

Số thứ tự	Họ và tên	Năm sinh	Quan hệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Quỳ	1933	Mẹ	Chứng ủy QLVNCH Quận: 74/156534
2	Trần Đình Chông	1954	Con trai	
3	Trần Anh Tuấn	1956	Con trai	
4	Trần Chi Thu Hà	1957	Con gái	
5	Trần Chi Thu Thuý	1959	Con gái	
6	Trần Cao Thắng	1961	Con trai	
7	Trần Quốc Dũng	1963	Con trai	
8	Trần Việt Hưng	1965	Con trai	
9	Trần Quang Khai	1967	Con trai	
10	Trần Trường Thảo	1970	Con gái	
11	Trần Hồng Vũ	1972	Con trai	
12	Trần Minh Hoàng	1974	Con trai	
13	Trương Thị Kim Phượng	1963	Con dâu	Trung ủy HQ VNCH Quận 59 ^a /tục 587
14	Trần Thị Chanh	1957	Con dâu	
15	Mạc Cửu	1956	Con rể	
16	Đoàn Thụy Nam	1949	Con rể	
17	Mạc Duy Chung	1984	Cháu ngoại	
18	Mạc Duy Quốc	1985	Cháu ngoại	
19	Trần Hoàng Tâm	1989	Cháu nội	

FROM : NGUYỄN THỊ QUỲ

J10 T8 HIỂN THÀNH P14 Q10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

PAR AVION



**PHÁT RIÊNG
EXPRES**



TO : BÀ KHUẾ MINH THỎ

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635, USA.

TELEPHONE :

PAR AVION VIA AIR MAIL

APR 1 8

Ngày...tháng...năm 1978

GIẤY BẢO TỬ

Kính gửi : ỦY BAN NHÂN DÂN

Quận 10 Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh

ĐOÀN 776 xin trân trọng báo để quý ban rõ :

- ~~anh : Trần Đình Thường~~ ... tuổi : 1930
- Là : ~~Chiều tá~~ Nhân viên kiêm kế toán duy (Nguy) ?
- Sinh quán tại : Trung quán, Lê Thủy, Quảng Bình
- Trú quán tại : Hồ Tô Hiến Thành, Sài Gòn 10

Thành phố Hồ Chí Minh

- Đi tập trung học tập cải tạo ngày 15 tháng 6 năm 1975
- Bị chết ngày 27 tháng 9 năm 1977
- Vì Bệnh Kiệt lý máu, Xuy tim mạch, Xuy hô hấp nặng, không cứu chữa được
- Địa điểm an táng tại : Văn yên, Xã Mường Thái
Huyện Phú Yên, Tỉnh Sơn La

Đơn vị phụ trách đã tổ chức mai táng cho anh Thường

theo đúng chính sách nhân đạo của Đảng và nhà nước cách mạng, có đầy đủ dấu mộ phần, có hồ sơ tử vong và sơ đồ địa điểm mai táng hiện lưu trữ tại đơn vị.

ĐỂ NGHI QUY BAN

1/ Báo cho thân nhân anh : Trần Đình Thường
Là : Võ ... Nguyễn Thị Quy
Hiện ở : Hồ Tô Hiến Thành, Sài Gòn 10
Thành phố Hồ Chí Minh biết

2/ Trong quá trình học tập cải tạo anh Thường
có nhiều tiến bộ, đủ tiêu chuẩn để không phục vụ công
đan, đề nghị Ủy Ban xét để giải phóng anh Thường
được giải phóng vào hồ sơ hộ tịch.

BỘ QUỐC PHÒNG ĐOÀN 776



Chiều tá
Đám van Khoa

Ghi chú : Giấy báo này có hai bản, một bản thông báo về Ủy Ban đại phương, một bản giao về gia đình thân nhân anh
thân mộ chí



Chị Nguyễn Thị

Thành phố Hồ Chí Minh 18/3/1990

Kính gửi: Bà Thúc Minh cho

Hội trưởng Hội Cựu nhân chính trị

V/v: xin cấp Hội bảo lãnh để được cấp giấy huân nhập cảnh
(L05)

Kính thưa Bà

Em tên là: Nguyễn Thị Quý, sinh năm 1938, tại chùa chiền Huế

Sống ngụ tại: 110 đường Nguyễn Chánh P14 Q10 thành phố Hồ Chí Minh

Tên của phụ của ông: Trần Đình Chương, trước 30/4. Là chiến tá
công cụ tiếp vận bộ Công tham mưu QLVNCH và chồng tôi đã chết
trong thời loạn tập cải tạo ở Miền Bắc Việt Nam, trại cải tạo AH-23-NT.
vào ngày 27/10/1977

Gia đình tôi đã nhiều lần gửi thư qua VP; ODP ở Mỹ và Bangkok
để xin được cứu xét cho tái định cư tại Hoa Kỳ theo chính sách
nhân đạo của chính phủ Mỹ dành cho cựu tù nhân cải tạo nhưng
đến nay vẫn chưa được trả lời.

Vào năm 1988 tôi cũng có làm đơn xin Quý Hội can thiệp
và đã được Quý Hội hồi âm và đề nghị nộp giấy tờ bổ sung
(Hồ sơ số WP 0273) chúng tôi đã gửi tất cả hồ sơ & cần thiết của
gia đình sang văn phòng của Quý Hội và đang chờ kết quả.

Kính thưa Bà,

Sau nay chứng trình tình cũ cho cựu tù nhân cải tạo đang thực hiện,
những gia đình tôi vẫn chưa đủ điều kiện để xin xuất cảnh được vì
chúng tôi chưa có giấy huân nhập cảnh do văn phòng ODP cấp.
Nay chúng tôi chưa lại làm phiên Quý Hội 1 lần nữa, kính xin
Quý Hội can thiệp và nếu có thể được xin bảo lãnh cho gia đình
tôi vì hiện nay không có người thân nào ở nước ngoài. Trong
hoàn cảnh mẹ góa con cô này, chúng tôi rất trông chờ Quý Hội
can thiệp để hồ sơ chúng tôi sớm được giấy huân nhập cảnh ở
văn phòng ODP cấp và được có tên trong danh sách do chính phủ Mỹ
đưa ra cho Việt Nam.

Trong khi chờ đợi, xin Quý Hội nhận nỗi đau lòng thành thật
biết ơn của gia đình chúng tôi và kính chúc Quý Hội đạt được nhiều
kết quả trong mục đích cao cả của mình

* Rất mong mọi sự hỗ trợ.

Khách của Quý
Lý Thị Quý

FROM: NGUYỄN THỊ QUỲ
110 TÔ HIẾN THÀNH P. 4 Q. 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM.



MAR 20 1990

TO: BÀ KHUẾ MINH THƠ.

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

U.S.A.



PAR AVION VIA AIR MAIL

CONTROL

____ Card
____ ✓ Rec. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Forg. "P"
____ CUP/Date
____ Numbering; Letter

1/5/90

C O N T R O L

____ Card
____ h Doc. Request; Form 06/20/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form 'D'
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

Thành phố Hồ Chí Minh 11/5/1990

Kính gửi Bà : Thúc Minh Chơ.

Hội trưởng hội từ nhân chính trị Việt Nam.

V/V : xin Hội bảo lãnh để được cấp giấy miễn nhập cảnh (LOI)

Kính thưa Bà :

Tên : Nguyễn Thị Quý, sinh năm 1933 tại Huế.

Hiện ngụ tại số : 110 Lê Hiến Chánh, P.14, Q.10 Thành phố Hồ Chí Minh.

Là quả phụ của ông : Trần Đình Chưởng, được ngày 30/4/75 là chiến tử Công cuộc tiếp vận, thuộc Công Team Miền QLVNCH và chồng tôi đã chết trong trại học tập cải tạo ở Miền Bắc Việt Nam, trại cải tạo AH-23..NT vào ngày 27/9/1977.

Gia đình tôi đã nhiều lần gửi thư qua văn phòng ODP ở Mỹ và Bangkok để xin cứu xét cho tái định cư tại Hoa Kỳ theo chính sách nhân đạo của Chính phủ Mỹ dành cho cựu tù nhân Cải tạo nhưng đến nay vẫn chưa được trả lời.

Vào năm 1988, tôi cũng có lần đến xin Quý Hội can thiệp và để được Quý Hội loan âm và đề nghị nộp giấy tờ bỏ ở Sang (gồm 3 Bỏ ở Sang số WP. 0273), chúng tôi đã gửi hết tất cả giấy tờ cần thiết qua gia đình Sang văn phòng Quý Hội và đang chờ kết quả.

Kính thưa Bà, hiện nay chúng tôi vẫn chờ đợi tái định cư cho cựu tù nhân chính trị đang được thuê như những gia đình tôi vẫn chưa đủ điều kiện để được xuất cảnh được vì chúng tôi chưa có giấy miễn nhập cảnh do văn phòng ODP ở Bangkok cấp. Nay chúng tôi lại làm phiền quý Hội 1 lần nữa, kính xin Quý Hội can thiệp và có thể được xin bảo lãnh cho gia đình tôi để văn phòng ODP cấp cho tôi 1-bỏ giới thiệu (LOI) để nộp hồ sơ vào hồ sơ ở VN vì gia đình tôi hiện nay không có người thân nào ở nước ngoài.

Trong hoàn cảnh khó khăn này, mẹ già con lớn chúng tôi thông cầu quý Hội giúp đỡ can thiệp để Hồ sơ chúng tôi sớm được cứu xét và được có tên trong danh sách do chính phủ Mỹ đưa ra.

Trong khi chờ đợi, xin Quý Hội nhận nơi đây lòng chân thành cảm ơn của gia đình chúng tôi và kính chúc quý Hội được nhiều kết quả trong mục đích cao cả của mình.

Kính thư

Quý

Nguyễn Thị Quý

FROM: NGUYỄN THỊ QUỲ
J.10 TÔ HIẾN THANH, P.14, Q.10.
T.P.H.C.M.

VIỆT-**PAR AVION**



APR 02 1990



TO: BÀ KHUẾ MINH THƠ
P.O. BOX. 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635. U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL

Saigon 22.7.1989.

Bà Quả phụ : Nguyễn Thị Quý.

J10 Tổ Hiền Chánh Đ14 Q10

Đến gửi : Bà Hội trưởng Hội gia đình tù nhân chính trị VN
Hố số 88' túc số WP 0273

Đính thưa Bà :

Gia đình tôi xúc động và sung sướng khi nhận được thư trả lời của Bà sau một thời gian mong mỏi chờ đợi. Được biết quý hội luôn quan tâm đến gia đình những tù nhân chính trị đã chết trong trại lao tập để vận động cho thân nhân họ được sớm hồi khỏi Việt nam và định cư tại Hoa Kỳ theo đường trình ODP phù hợp với tinh thần nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ nên chúng tôi rất kỳ vọng vào sự can thiệp có hiệu quả của Quý Hội. Riêng phần gia đình chúng tôi ở Việt nam cũng đã nộp đơn cho chính phủ Việt nam xin được ra đi trong chương trình ODP để được cứu xét.

Nay theo yêu cầu của Quý Hội cần bổ sung thêm những giấy tờ để việc can thiệp được dễ dàng, riêng giấy tờ của chồng tôi sau 30/4/1975 đã bị thất lạc. Gia đình của chúng tôi xin đặt hết tin tưởng vào sự giúp đỡ của Quý Hội và mong sớm được biết kết quả. (Số quân : 50/201.782.)

Cuối thư, gia đình tôi xin Bà nhận nỗi đầy lòng biết ơn sâu xa và kính chúc Bà và Quý Hội đạt được nhiều thành tựu trong công tác nhân đạo này.

Nay kính.

OMU

Bà Quả phụ Nguyễn Thị Quý.

* Hồ Sơ Định Kém : (Mỗi mẫu 2 bản)

- Hồ khẩu.
- Khai sinh
- Hôn thú.
- Hình.
- Chứng minh nhân dân
- giấy báo tử
- giấy biên nhận (đã nộp đơn ở VN)

BỘ TƯ-PHÁP

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

SỞ TƯ-PHÁP HUẾ

TÒA SƠ-THÂN HUẾ

Chứng Chỉ Thể Vì Khai-Sanh

Số 8798

của TRẦN-ĐÌNH-THƯỜNG

ngày

Năm một nghìn chín trăm năm mươi tám tháng mười hai
ngày một hồi 10 giờ.

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN-HỮU-THÚ
Chánh án Tòa Sơ-Thân Huế ngồi tại văn phòng
có Ông TRAN-KIỆM-MẠI Lục-sự giúp việc.

Có Ông, bà TRẦN-ĐÌNH-THƯỜNG 28 tuổi, nghề nghiệp

Quân-nhân trú tại KBC. 4.895

thẻ kiểm tra số 30A006297 ngày 7-10-55 do Hành-chanh
Thành-Nội cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích-lục
khai-sanh của O. TRAN-ĐÌNH-THƯỜNG

sanh ngày 29 tháng 8 năm 1930 tại làng Trung-quan
Quận Lệ-thuy tỉnh Quang-binh được vì lẽ
hệ-sơ-hệ-tích chưa lập sổ bộ.

Nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên
kê sau, do ý dân đến để lập chứng chỉ thay thế chứng thư hộ-tích nói trên

LIÊN ĐÓ (CÓ ĐẾN TRÌNH ĐIỆN:

10/ NGO-THIÊN-KẾ 36 tuổi, nghề Quân-nhân

trú tại KBC. 4.895

thẻ kiểm tra số 22A001761 ngày 16-9-55

do Hành-chanh Thành-Nội HUẾ cấp

2/ LÊ-NGOC-HY 42 tuổi, nghề Quân-nhân

trú tại KBC. 4.895

thẻ kiểm tra số 16A008061 ngày 15-10-55

do Hành-chanh Thành-Nội HUẾ cấp

3/ THAI-VAN-THAN 37 tuổi, nghề Quân-nhân

trú tại KBC. 4.895

thẻ kiểm tra số 21A006195 ngày 3-10-55

do Cảnh-sat lưu-ngạn cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337

H.V. Hình-luật, phạt tội ngụy chứng về việc Hộ, đồng tam đoan quả quyết

biết chắc O. TRAN-ĐÌNH-THƯỜNG

sanh ngày hai mươi chín tháng tám

năm một ngàn chín trăm ba mươi

tại làng Trung-quan quận Lệ-thuy

tỉnh Quang-Binh con Ông TRAN-ĐÌNH-HẠNH (c)

và Bà Đặng-Thị-Ngo (c)

hai Ông, Bà này đã chính thức lấy nhau.

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai-sinh nói trên được vì lẽ Hồ-sơ hồ-tịch

chưa lập sổ bộ

Bởi vậy Bản Tòa-băng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H.V. HỒ-LUẬT lập chứng chỉ thế vì khai-sinh này cho

tên TRẦN-DINH-THƯƠNG
sinh ngày hai mươi chín tháng Tam
năm Một ngàn chín trăm ba mươi (29-3-1930)
tại làng Trang-quan quận Lê-thuy
tỉnh Quang-Binh con ông TRẦN-DINH-HANH (c)
và bà ĐANG-THI-NGO (c)
đề cấp cho đương-sự theo như đơn xin,

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và đồng Lục-sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-Sự

Chánh-Án

TRAN-KIEM-MAI

NGUYEN-HUU-THU

Những người chứng

Người đứng xin

1^o NGO THIEN KE

(ky ten)

TRẦN-DINH-THƯƠNG

ky tên

2^o LE NGOC HY

(ky ten)

3^o THAI VAN THANH

(ky ten)

Trước bạ tại HUE

Ngày 3 tháng 12 năm 1958

Quyển 26 tờ 69 số 3115

Thỏa - 60

CHỦ SỰ.

Phan-vân-Dật (ky ten)

SAO Y NHƯ CHÁNH BẢN

Chánh-Bản



Lệ phí một bản Sao 5.

CÔNG AN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số: 1028 /BN.

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông, Bà: Nguyễn Thị Quý Sinh 1913

Địa chỉ: 110 Tô Hiến Thành

Phường: 11 Quận 10.

Có nộp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh

Số người: 18 người

Đi: du lịch do Chiều phù hộ bảo lãnh

Số hồ sơ: 1372 chuyển lên phòng Công tác về

Người Nước Ngoài ngày 20 tháng 02 năm 1989

TP. Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 11 năm 1989

CÔNG AN QUẬN 10



CHỖ CÔNG AN QUẬN 10

CÔNG AN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số: 1038 /BN.

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông, Bà: Nguyễn Thị Quý Sinh 1913

Địa chỉ: 710. Tô Hiến Thành

Phường: 11 Quận 10.

Có nộp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh

Số người: 18 người

Đi: Nhị do Chuyến phượt bảo lãnh

Số hồ sơ: 1372 chuyển lên phòng Công tác về

Người Nước Ngoài ngày 20 tháng 02 năm 1989

TP. Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 11 năm 1988

CÔNG AN QUẬN 10

PHÓ CÔNG AN QUẬN 10

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 681844 CN

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN THỊ KUY

Ấp, ngõ, số nhà : 10

Thị trấn, đường phố : TC. Thới Bình

Xã, phường : Mười bốn

Huyện, quận : Quận 10

Số : 157 889

CHỨNG NHẬN CỦA BAN CHÍNH

Muốt tr. 10 Quận 10

Ngày 22 tháng 7 năm 1989

Ngày 10 tháng 03 năm 92

Trưởng công an : A. O.

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



VIỆN THƯ KÝ

Lê Chi Đức



NHỮNG NGƯỜI THUƠNG TRƯ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Thị Quý	chủ hộ	Nữ	1933	020727043		1.10.76		
2	Trần Đình Thông	con	Nam	1954	020727172		1.10.76		
3	Trần Anh Thuận	con	Nam	1956	020727174		1.10.76		
4	Trần Thị Thìn Hà	con	Nữ	1958	020727014		1.10.76		
5	Trần Thị Thu Thủy	con	Nữ	1959			1.10.76	Đi KK 12 Bis Paris F95	
6	Trần Cao Thắng	con	Nam	1961	020727043		1.10.76	6/84	11/11
7	Trần Việt Hùng	con	Nam	1961	021634368		1.10.76		(11.11)
8	Trần Quang Kh	con	Nam	1962	0221.889		1.10.76		
9	Trần Phương Thảo	con	Nữ	1970	022288917		1.10.76		
10	Trần Hồng Vũ	con	Nam	1972	02256658		1.10.76		
11	Trần Minh Hoàng	con	Nam	1974			1.10.76		
12	Trần Thị Trung	cháu	Nam	30.5.77			13.4.84		
13	Trần Khắc Dũng	con	Nam	1963	020727011		02.10.88		
14	Trần Cao	con	Nam	1956	021436850		18.8.88		
15	Trần Thị Thu	cháu	Nam	13.4.89			13.2.89		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 681844 CN

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ QUY

Ấp, ngõ, số nhà: T. W.

Thị trấn, đường phố: TC Thien Thanh

Xã, phường: Mười bốn 1-3-87

Huyện, quận: 15Y 509

CHUNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khuộc trình 14 Quận 10

Ngày 22 tháng 7 năm 1989

UBND PHƯỜNG 20

Ngày 10 tháng 03 năm 82

Trưởng công an: Q. O

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



ỦY VIÊN THƯ KÝ

Lê Thị Đức



NHỮNG NGƯỜI THUỘC TRƯ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐK NK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Thị Quý	chủ hộ	Nữ	1933	020727013		1.10.76		
2	Trần Đình Thông	con	Nam	1954	020727172		1.10.76		
3	Trần Anh Tuấn	con	Nam	1956	020727174		1.10.76		
4	Bà Thị Thu Hà	con	Nữ	1958	020727014		1.10.76		
5	Bà Thị Thu Hằng	con	Nữ	1959			1.10.76	Đã RK 12.85	Đã RK 12.85
6	Trần Cao Thắng	con	Nam	1961	020727043		1.10.76		15.11.84
7	Trần Việt Hùng	con	Nam	1965	021634368		1.10.76		(1.1.11)
8	Trần Quang Khôi	con	Nam	1967	02218899		1.10.76		
9	Trần Phương Thảo	con	Nữ	1970	02228835		1.10.76		
10	Trần Hồng Vũ	con	Nam	1972	02256658		1.10.76		
11	Trần Minh Hoàng	con	Nam	1974			1.10.76		
12	Trần Thị Ngọc	cháu	Nam	30.3.77			13.11.87		
13	Trần Quốc Dũng	con	Nam	1963	020727011		02.10.87		
14	Trần Quốc	con	Nam	1956	021436850		18.2.88		
15	Trần Thị Ngọc	cháu	Nam	13.1.80			13.2.88		